

**CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TÂY AN LỘC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TÂY AN LỘC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH MTV ĐT XD TÂY AN LỘC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3801235697

**3. Ngày thành lập:** 12/10/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Đường Đoàn Thị Điểm, Khu phố An Bình, Phường An Lộc, Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: 0903780387

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4101(Chính) |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4102        |
| 3.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4212        |
| 4.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4221        |
| 5.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4222        |
| 6.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4229        |
| 7.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4311        |
| 8.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4312        |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4321        |
| 10. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4322        |
| 11. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                   | 4752        |
| 12. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                         | 7730        |
| 13. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4933        |
| 14. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4329        |
| 15. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>- Khảo sát địa hình<br>- Tư vấn thiết kế quy hoạch<br>- Tư vấn thiết kế, thẩm tra thiết kế công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, giao thông, thủy lợi.<br>- Tư vấn giám sát công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, giao thông, thủy lợi.<br>- Tư vấn quản lý dự án | 7110        |
| 16. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4330        |
| 17. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4390        |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: **TRẦN QUỐC QUYỀN**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *01/09/1970*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *285000283*

Ngày cấp: *10/05/2017*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Bình Phước*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Khu phố Phú Thịnh, Phường Tân Phú, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Khu phố Phú Thịnh, Phường Tân Phú, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Phước*